

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với lãnh đạo, quản lý các phòng, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các quận, huyện ban hành kèm theo Quyết định số 2851/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 132/TTr-SLĐTBXH ngày 22/11/2016; ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 2697/SNV-TCCB&TCPCP ngày 17/10/2016 và Báo cáo thẩm định số 73/BCTĐ-STP ngày 14/11/2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với lãnh đạo, quản lý các phòng, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các quận, huyện ban hành kèm theo Quyết định số 2851/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1. Điểm a, Khoản 2, Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Có trình độ đại học trở lên về chuyên môn phù hợp với vị trí đề nghị bổ nhiệm; trình độ lý luận chính trị từ trung cấp hoặc trung cấp Lý luận – Hành chính trở lên; có ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 trở lên trong khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch

chuyên viên hoặc Trung cấp Hành chính trở lên; có chứng chỉ chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.”

2. Khoản 2, Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ

a) Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học về chuyên môn, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực, ngành được giao phụ trách và phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Đối với chức danh lãnh đạo có quy định của pháp luật chuyên ngành thì trình độ chuyên môn nghiệp vụ phải phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.”

3. Khoản 3, Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Về kinh nghiệm công tác và độ tuổi bổ nhiệm

a) Kinh nghiệm công tác

Có ít nhất 05 năm công tác trong ngành hoặc có quá trình công tác về lĩnh vực chuyên môn gắn với lĩnh vực chuyên môn được phân công phụ trách. Có kinh nghiệm trong quản lý, điều hành từ 03 năm trở lên.

b) Về độ tuổi bổ nhiệm

- Tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 55 tuổi (đối với nam) và không quá 50 tuổi (đối với nữ).

- Trường hợp công chức đã thôi giữ chức vụ lãnh đạo, sau một thời gian công tác nếu được xem xét bổ nhiệm thì điều kiện về tuổi thực hiện như quy định về bổ nhiệm lần đầu.”

4. Khoản 2, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

a) Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học về chuyên môn, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực, ngành được giao phụ trách và phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Đối với chức danh lãnh đạo có quy định của pháp luật chuyên ngành thì trình độ chuyên môn nghiệp vụ phải phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.”

5. Khoản 3, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Về kinh nghiệm công tác và độ tuổi bổ nhiệm

a) Kinh nghiệm công tác

Có ít nhất 03 năm công tác trong ngành hoặc có quá trình công tác về lĩnh vực chuyên môn phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được phân công phụ trách.

b) Về độ tuổi bổ nhiệm

- Tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 55 tuổi (đối với nam) và không quá 50 tuổi (đối với nữ).

- Trường hợp công chức đã thôi giữ chức vụ lãnh đạo, sau một thời gian công tác nếu được xem xét bổ nhiệm thì điều kiện về tuổi thực hiện như quy định về bổ nhiệm lần đầu.”

6. Khoản 2, Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học về chuyên môn, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực, ngành được giao phụ trách và phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.”

7. Khoản 3, Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Về kinh nghiệm công tác và độ tuổi bổ nhiệm

a) Kinh nghiệm công tác

Có ít nhất 05 năm công tác trong ngành hoặc có quá trình công tác về lĩnh vực chuyên môn phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được phân công phụ trách. Có kinh nghiệm trong quản lý, điều hành từ 03 năm trở lên.

b) Về độ tuổi bổ nhiệm

- Tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 45 tuổi (đối với cả nam và nữ).

- Trường hợp công chức đã thôi giữ chức vụ lãnh đạo, sau một thời gian công tác nếu được xem xét bổ nhiệm thì điều kiện về tuổi thực hiện như quy định về bổ nhiệm lần đầu.”

8. Khoản 2, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học về chuyên môn, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực, ngành được giao phụ trách và phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.”

9. Khoản 3, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Về kinh nghiệm công tác và độ tuổi bổ nhiệm

a) Kinh nghiệm công tác

Có ít nhất 03 năm công tác trong ngành hoặc có quá trình công tác về lĩnh vực chuyên môn phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được phân công phụ trách.

b) Về độ tuổi bổ nhiệm

- Tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 45 tuổi (đối với cả nam và nữ).

- Trường hợp công chức đã thôi giữ chức vụ lãnh đạo, sau một thời gian công tác nếu được xem xét bổ nhiệm thì điều kiện về tuổi thực hiện như quy định về bổ nhiệm lần đầu.”

Điều 2. Bãi bỏ điểm a, khoản 2 Điều 4; khoản 6, Điều 4; khoản 2, khoản 3, Điều 5; khoản 2, khoản 3, Điều 6; khoản 2, khoản 3, Điều 7; khoản 2, khoản 3 Điều 8 của Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với lãnh đạo, quản lý các phòng, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các quận, huyện ban hành kèm theo Quyết định số 2851/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 02 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ LĐ-TBXH;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CPVP;
- UB MTTQVN TP;
- Đoàn Đại biểu QH thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Đài PT&TH Hải Phòng;
- Công báo Hải Phòng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Văn Tùng